1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GHK II TOÁN 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Các đại lượng tỉ lệ****(14 tiết)** | **Nội dung 1:** Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau | Số câu: 2(Câu 1, 2)Điểm:(0,5 đ) | Số câu: 1(Câu 1)Điểm:(1,0 đ) |  |  |  |  |  |  | 52,5 |
| **Nội dung 2:**Giải toán về đại lượng tỉ lệ | Số câu: 3(Câu 3, 4, 5)Điểm:(0,75 đ) |  |  | Số câu: 1(Câu 2)Điểm:(1,0 đ) |  | Số câu: 2(Câu 3, 4)Điểm:(2,0 đ) |  |  |
| **2** | **Chủ đề 3: Tam giác****(14 tiết)** | **Nội dung 1:**Góc và cạnh của một tam giác | Số câu: 2(Câu 6, 7)Điểm:(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 47,5 |
| **Nội dung 2:**Tam giác bằng nhau | Số câu: 2(Câu 8, 10)Điểm:(0,5 đ) |  | Số câu: 1(Câu 9)Điểm:(0,25 đ) | Số câu: 1(Câu 6)Điểm:(1,0 đ) |  |  |  |  |
| **Nội dung 3:**Tam giác cân |  |  | Số câu: 1(Câu 11)Điểm:(0,25 đ) |  |  |  |  |  |
| **Nội dung 4:**Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. | Số câu: 1(Câu 12)Điểm:(0,25 đ) |  |  | Số câu: 1(Câu 5)Điểm:(1,0 đ) |  |  |  |  |
| **Nội dung 5:** Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học |  |  |  |  |  |  |  | Số câu: 1(Câu 7)Điểm:(1,0 đ) |  |
| **Tổng: Số câu****Điểm** | 122,5 | 11,0 | 20,5 | 33,0 |  | 42,0 |  | 11,0 | 10 |
| **Tỉ lệ %** | 35% | 35% | 20% | 10% | 100 |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | 100 |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Tỉ lệ thức. Dãy tỉ số bằng nhau** | **Nhận biết:**– Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức.– Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau.**Vận dụng:**– Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. – Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...). | **2TN (TN1, 2)****1TL (TL1)** |  |  |  |
| **Giải toán về Đại lượng tỉ lệ**  | **Vận dụng:**– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...).– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...). | **3 TN (TN3, 4, 5)** | **1 TL (TL2)** | **2TL (TL3,4)** |  |
|  2 | **Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.****Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.– Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.– Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.– Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó.***Thông hiểu:***– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180o.– Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).– Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.– Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau). | **5TN (TN6,7,8,10,12)** | **2TN (TN9, 11)****2TL (TL5, 6)** |  |  |
|  | **Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học** | ***Vận dụng:***– Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...).– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.***Vận dụng cao:*** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  | **1TL (TL7)** |

**C – ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TOÁN - LỚP 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN ……..****TRƯỜNG THCS … …………………****ĐỀ THAM KHẢO- THCS THĂNG LONG***(Đề có 04 trang)* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC: 2022 – 2023****MÔN: TOÁN – LỚP: 7****Thời gian làm bài: 90 phút***(không kể thời gian phát đề)* |

*Họ và tên học sinh: …………………………………………. Số báo danh: ………………………….*

**ĐỀ BÀI**

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. *(3,0 điểm)***

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

**Câu 1. [NB – TN1] Nếu**4.b = 5.c và b, c ≠ 0 thì:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 2**. [NB - TN2] Nếu các số x, y, z tỉ lệ với các số 6; 4; 3 thì ta có dãy tỉ số bằng nhau nào:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 3.** [NB – TN3] Đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ 5. Ta có:

A. y=5.x **B.**  **C.** y=x **D.** y=x+5

**Câu 4.** [NB – TN4] Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau. Biết hệ số tỉ lệ của x đối với y là 8. Hệ số tỉ lệ của y đối với x là:

**A.** 5. **B.**8 **C.  D. −**5.

**Câu 5**. [NB – TN5] Cho biêt y và x là hai đại lượng tỉ lệ nghịch theo hệ số tỉ lệ a. Ta có:

**A. y = ax B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 6.** [NB - TN6] Tổng số đo 3 góc trong một tam giác bằng:

**A. 900 B.** 1800 **C.** 1000 **D.** 1200

**Câu 7.** [NB – TN7] Cho tam giác ABC. Trong các khẳng định sau khẳng định nào **sai**?

1.  **B.**  **C.** **D.** 

**Câu 8.** [NB – TN8] Cho . Khi đó:

**A.** AB = DE **B.** AC = DE **C.** BC = DF **D.** BC = DE

**Câu 9.** [TH – TN9] Cho , . Khi đó:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 10**. [NB – TN10] Cho hình vẽ, hãy chỉ ra hai tam giác bằng nhau.

****

**A. . B. .**

**C.  D.** 

**Câu 11.** [TH – TN11] Cho tam giác ABC cân tại A, cạnh AB = 5cm. Tính độ dài cạnh AC?

**A.** 10cm **B. 2,5cm C. 7,5cm D. 5cm**

**Câu 12.** [NB - TN8] Cho hình vẽ, có bao nhiêu đường xiên kẻ từ điểm A đến đường thẳng BF?



**A. 1 B. 2 C. 3 D. 4**

**Phần 2. Tự luận. (7,0 điểm)**

**Câu 1.** **(1,0 điểm)** [NB - TL1] Tìm các tỉ số bằng nhau trong các tỉ số sau đây rồi lập các tỉ lệ thức:



**Câu 2.** **(1,0 điểm)** [TH - TL2] Cho y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k.

1. Biết khi x = 15 thì y = 12, tìm tỉ số k.
2. Tính giá trị của x khi y = – 15.

**Câu 3.** **(1,0 điểm)** [VD – TL3] Ba lớp 7A, 7B, 7C thu tập tặng bạn vùng bão. Biết số vở của ba lớp lần lượt tỉ lệ với 3; 4; 5 và tổng số vở của lớp 7A và 7C là 240 cuốn. Tính số vở của mỗi lớp thu được.

**Câu 4.** **(1,0 điểm)** [VD – TL4]

Một đội công nhân có 15 người làm xong công việc trong 90 ngày. Hỏi cần bổ sung thêm bao nhiêu công nhân để hoàn thành công việc đó chỉ trong 50 ngày.

**Câu 5.** **(1,0 điểm)** [TH – TL5]So sánh các cạnh của tam giác ABC có 

**Câu 6. (1,0 điểm)** [TH – TL6] Cho hình vẽ, biết MN = PQ, MQ = NP. Chứng minh: $∆MNQ=∆PQN$



**Câu 7.** **(1,0 điểm)** [TH – VDC7]

Kiến trúc sư vẽ bản thiết kế ngôi nhà hình tam giác theo tỉ lệ 1:100. Biết rằng ngôi nhà cao 5 m, bề ngang mặt sàn rộng 4 m và hai mái nghiêng như nhau. Theo em, trên bản thiết kế làm thế nào để xác định được chính xác điểm C thể hiện đỉnh ngôi nhà?



........................ Hết ...................